TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 45/2018/QĐST – HNGĐ	*Gia Viễn, ngày 04 tháng 6 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 58/2018/TLST/HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2018 giữa:
  Nguyên đơn***: Chị Bùi Thị Ph***, sinh năm 1983.
  Địa chỉ: Thôn K, xã A, huyện A, thành phố H.
  Bị đơn: ***Anh Đinh Duy S,*** sinh năm 1974.
  Địa chỉ: Thôn G, xã G, huyện G, tỉnh N.
- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Chị Bùi Thị Ph và anh Đinh Duy S.

2. Công nhận sự thoả thuận của chị Bùi Thị Ph và anh Đinh Duy S về các vấn đề khác cụ thể như sau:

2.1: Về con chung:

Chị Bùi Thị Ph và anh Đinh Duy S đều thừa nhận vợ chồng có một con chung, tên cháu là Đinh Duy Th, sinh ngày 12/11/2004 hiện đang ở với chị Ph. Khi ly hôn hai bên thỏa thuận giao cho chị Ph tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Th đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.2: Về tài sản và công nợ chung:

Anh S và chị Ph đều thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung. Hai bên đều không yêu cầu Toà án giải quyết về quan hệ tài sản chung, công nợ chung nên Toà án không xem xét, giải quyết.

2.3: Về án phí:

Chị Bùi Thị Ph nhận nộp 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ph đã nộp, trả lại chị Ph 150.000 đồng tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo biên lai số: AA/2013/0001057 ngày 18/5/2018.

Người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh N;
- VKSND huyện G;
- UBND xã A, huyện A, HP (cơ quan đã đăng ký kết hôn).
- Chi cục Thi hành án DS G.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

NGUYỄN HỮU QUỐC